TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2022/DS-ST
Ngày: 25/7/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lan Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Hoàng Ngọc Hà

2. Ông Nguyễn Văn Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đài Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận T – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2022/TLST-DS ngày 19/01/2022 về: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2022/QĐST – DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S;
Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc M
(có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu M1, sinh năm 1968;
Địa chỉ: 56 (số cũ 170D) đường S, Phường M1, quận T, TP Hồ Chí Minh.
(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/11/2020 và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/4/2007, bà Nguyễn Thị Thu M1 có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 30,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà M1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 126.538.800 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà M1 phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 27 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà M1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 123.227.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước

+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước

+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ

+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ

+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà M1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà M1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/6/2011 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do bà M1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu bà M1 trả số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 26/5/2020 là 128.773.723 đồng (trong đó nợ gốc là 29.294.272 đồng và nợ lãi là 99.479.451 đồng). Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/5/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Thu M1 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để cung cấp lời khai, thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày: Ngân hàng yêu cầu bà M1 thanh toán số tiền nợ gốc, lãi và phí tính đến ngày 04/7/2022 là 150.963.676 đồng (trong đó nợ gốc là 29.294.272 đồng và nợ lãi là 121.669.404 đồng). Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 05/7/2022, yêu cầu thanh toán ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 05/7/2022 cho đến khi bà Nguyễn Thị Thu M1 thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký ngày 06/4/2007.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Thu M1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và cũng không có ý kiến trình bày.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những

người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn – bà Nguyễn Thị Thu M1. Theo kết quả xác minh của Công an Phường M1, quận T thì bà M1 có hộ khẩu thường trú tại 56 (số cũ 170D đường S), Phường M1, quận T và thực tế không cư trú tại địa chỉ trên, hiện không rõ nơi cư ngụ. Theo Hợp đồng sử dụng thẻ và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký ngày 06/4/2007, bà M1 cung cấp địa chỉ hiện tại đang sinh sống là 170D S, Phường M1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, địa chỉ 170D S, Phường M1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bà M1. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Điều 5 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T.

Xét Giấy ủy quyền số 36/2022/UQ-CNQ4 ngày 19/01/2022 của Ngân hàng là ủy quyền hợp lệ nên ông Nguyễn Ngọc M có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Thu M1 mặc dù đã được Tòa án triệp tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về pháp luật nội dung:

Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký ngày 06/4/2007, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Thu M1 có sử dụng thẻ tín dụng để thực hiện các giao dịch và có phát sinh dư nợ nhưng không thanh toán. Tính đến ngày 04/7/2022 là 150.963.676 đồng (trong đó nợ gốc là 29.294.272 đồng và nợ lãi là 121.669.404 đồng).

Việc Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu M1 phải có trách nhiệm thanh toán số tiền là 150.963.676 đồng (trong đó nợ gốc là 29.294.272 đồng và nợ lãi là 121.669.404 đồng) và tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 05/7/2022 cho đến khi bà M1 thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký ngày 06/4/2007 là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại Khoản 2 Điều 91 và Khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Thu M1 có trách nhiệm trả số tiền 150.963.676 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S nên phải chịu án phí theo qui định của pháp luật là 7.548.183 đồng

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:

Buộc bà Nguyễn Thị Thu M1 phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký ngày 06/4/2007 là 150.963.676 (Một trăm năm mươi triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi sáu) đồng gồm nợ gốc là 29.294.272 (Hai mươi chín triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn hai trăm bảy mươi hai) đồng, lãi quá hạn là 121.669.404 (Một trăm hai mươi mốt triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm lẻ bốn) đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu M1 còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 05/7/2022 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký ngày 06/4/2007 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Phương thức và thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 7.548.183 (Bảy triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn một trăm tám mươi ba) đồng do bà Nguyễn Thị Thu M1 phải chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.219.350 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0068906 ngày 17/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết. Viện kiểm

sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Lan Ngọc